

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẦU GIẤY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2024/HS-ST

Ngày: 05/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Lan Chi**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Toàn**

Bà Bùi Thị Minh Hoa

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: **Bà Đào Thị Quế** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 128/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

TRẦN TRỌNG H – Sinh năm: 1985; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Địa chỉ thường trú và cư trú: Tổ dân phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Họ tên bố: Trần Hữu Í; Họ tên mẹ: Lã Thị L; D chỉ bản số 585 lập ngày 02/10/2023 tại Công an quận C, thành phố Hà Nội;

Nhân thân: 01 tiền án đã xóa án tích: Bản án số 38/2009/HSST ngày 06/7/2009, Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 4 năm 06 tháng về tội Cướp tài sản và 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 05 năm 03 tháng tù; Bản án số 77/2009/HSPT ngày 16/9/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử y án sơ thẩm. Đã nộp án phí tháng 10/2009, ra trại ngày 30/8/2011.

Tiền án, tiền sự: 02 Bản án chưa xóa án tích:

- Bản án số 64/2021/HSST ngày 22/7/2021, Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 12 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 03 năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải

chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2020.

- Bản án số 140/2023/HSST ngày 20/6/2023, Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt 15 năm tù của Bản án số 64/2021/HSST ngày 22/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 23 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2020.

Hiện bị cáo Trần Trọng H đang chấp hành án tại Đội 21, Phân trại K2, Trại giam V1 - Tỉnh Vĩnh Phúc. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

Bị hại: Ngân hàng TMCP V2 (V3); Trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D1 – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N – Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc Khối quản lý đối tác và quan hệ đối ngoại; Bà Lều Thu V – Giám đốc Trung tâm A1 quản lý đối tác và quan hệ đối ngoại (Văn bản ủy quyền số 76/2023/UQN-CTQT ngày 20/10/2023); Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Chu Quang A – Chuyên viên Phòng Điều tra và PCGL TT An ninh nội bộ (Văn bản ủy quyền số 149/2024/UQ ngày 11/6/2024). *(Ông A xin vắng mặt tại phiên tòa)*.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn M – Sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. *(Vắng mặt tại phiên tòa)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Trần Trọng H và anh Nguyễn Văn M (sinh năm: 1986, HKTT: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc) cùng làm việc tại Công ty TNHH A2, địa chỉ: Lô A, khu công nghiệp B, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc. H là nhân viên phòng Hành chính còn anh M là nhân viên phòng Kỹ thuật. Quá trình làm việc, H quản lý hồ sơ nhân sự nên biết thông tin giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và tài khoản số 1010008606 tại ngân hàng S của anh Nguyễn Văn M.

Khoảng tháng 6/2019, do thua lỗ kinh doanh, H nảy sinh ý định làm giả sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân mang tên anh Nguyễn Văn M (thông tin của anh M, ảnh chân dung của H) để mạo danh anh Nguyễn Văn M làm hồ sơ vay và chiếm đoạt tiền của Ngân hàng. Để thực hiện ý định này, H lấy thông tin cá nhân của anh M trong hồ sơ nhân sự rồi lên mạng Internet truy cập vào một trang Web "làm giấy tờ giả" có ghi số điện thoại của người làm giả (hiện H không nhớ địa chỉ trang Web và số điện thoại). H gọi điện theo số điện thoại và thỏa thuận giá làm giả 01 tờ Chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu mang tên anh Nguyễn Văn M là 3.000.000 đồng. Sau đó, H đã gửi thông tin cá nhân của anh Nguyễn Văn M và ảnh của H qua zalo cho đối tượng trên. Sau một tuần, có người gọi điện cho H giao 01 Chứng minh thư

nhân dân số 135198221 cấp ngày 05/4/2010 và 01 sổ hộ khẩu số 256361568 cấp ngày 12/01/2017 đều mang tên Nguyễn Văn M. Sau khi nhận được CMND giả, H đã mang đến ngân hàng TMCP S1 và yêu cầu Ngân hàng cung cấp sao kê tài khoản của anh Nguyễn Văn M từ tháng 5/2019 đến ngày 31/8/2019. Ngoài ra, H đã lấy được 01 Hợp đồng lao động số 706142447 ngày 14/8/2019 giữa Nguyễn Văn M và công ty TNHH A2 tại phòng hồ sơ của Công ty rồi vào máy tính của Công ty tự sửa nội dung trong hợp đồng lao động và tự ký tên Nguyễn Văn M, lấy dấu tròn của công ty và con dấu chữ ký của ông Shin Byeag K tự đóng dấu vào Hợp đồng lao động, Còn thẻ BHYT và Giấy phép lái xe của anh Nguyễn Văn M, do H biết anh M hay để ví trong ngăn bàn nên đã sử dụng điện thoại chụp lại hình ảnh 02 giấy tờ trên, photo rồi trả lại ngăn bàn cho anh M.

Đến ngày 10/9/2019, thông qua mạng xã hội facebook, Trần Trọng H biết số điện thoại của anh Ninh Tuấn T (sinh năm: 1992, HKTT: Số H ngõ E M, N, Hà Nội, là nhân viên Ngân hàng V3). H gọi điện cho anh T và giới thiệu mình là Nguyễn Văn M có hộ khẩu ở huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, đang giữ vị trí phó phòng kỹ thuật của Công ty TNHH A2 với mức thu nhập trung bình sau thuế là 30 triệu đồng/tháng. Anh T đã tư vấn cho H các giấy tờ để ký hợp đồng vay vốn bao gồm: sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, hợp đồng lao động, thẻ bảo hiểm y tế, sao kê tài khoản thẻ hiện 03 tháng lương gần nhất (tất cả đều là bản chính). Sau đó, H và anh T gặp nhau tại quán cà phê ở đối diện Ngân hàng V3 ở số I D, D, Cầu G, Hà Nội. Tại đây, H đã trực tiếp đưa toàn bộ các giấy tờ đều mang tên Nguyễn Văn M cho anh Ninh T1 Trứ. Sau khi kiểm tra, thấy đầy đủ giấy tờ như đã yêu cầu, anh T đã điền các nội dung thông tin của khách hàng Nguyễn Văn M vào đề nghị Ngân hàng V3 cho vay 200.000.000 đồng và đưa hồ sơ vay vốn cho H ký tên xác nhận. Sau đó, H đã đến Ngân hàng V3 chi nhánh V4 ở thành phố V, Vĩnh Phúc để làm thủ tục thay đổi chữ ký do chữ ký khác trên hệ thống và thực hiện các thủ tục rút tiền. Ngoài số tiền vay vốn 200.000.000 đồng, H còn được Ngân hàng cấp 01 thẻ tín dụng mang tên Nguyễn Văn M với hạn mức tín dụng 66.000.000 đồng. Sau khi Ngân hàng V3 giải ngân số tiền 200.000.000 đồng, H không có nhu cầu sử dụng nên đã làm thủ tục tắt toàn số tiền trên với Ngân hàng. Về thẻ tín dụng, H đã sử dụng thẻ tín dụng trên để chi tiêu cá nhân, thanh toán lãi và gốc đầy đủ cho Ngân hàng đến hết tháng 04/2020 thì không còn khả năng thanh toán (tính đến ngày 25/9/2020 dư nợ cho khoản thẻ tín dụng là 73.996.805 đồng, quá hạn 105 ngày).

Đến ngày 11/11/2019, do tiếp tục muốn vay tiền Ngân hàng, H lại liên hệ với anh Ninh Tuấn T. Thời điểm này anh T yêu cầu H cung cấp hợp đồng lao động mới do hợp đồng cũ đã hết hạn. Với cách thức như trên, H đã tự làm ra hợp đồng lao động mới mang tên Nguyễn Văn M rồi đưa cho anh T và ký xác nhận vào hồ sơ vay vốn mang tên Nguyễn Văn M đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền 105.000.000 đồng. Sau khi được Ngân hàng giải ngân khoản vay, H đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Khoản vay này, H đã thanh toán cho Ngân hàng được 06 tháng, tổng số 18.000.000 đồng (khoảng 03 triệu đồng/tháng) sau đó, H không thanh toán nữa. Sau đó, đến ngày 21/10/2020, H bị Công an thành phố P bắt tạm giam về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức xảy ra tại thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 30/9/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an quận C nhận được đơn tố giác của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP V2 và giao nộp bản chính các tài liệu gồm: 01 bản Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng (gồm 06 trang) đề ngày 10/9/2019; 01 bản Giấy yêu cầu bảo hiểm sức khỏe người vay tín dụng (gồm 02 trang) đề ngày 10/9/2019; 01 bản Tờ khai thông tin dành cho khách hàng cá nhân theo FATCA đề ngày 10/9/2019 (gồm 02 trang) kèm theo 01 bản Tuân thủ đạo luật FATCA (gồm 02 trang); 01 bản Phương án sử dụng vốn đề ngày 10/9/2019 (gồm 03 trang); 01 bản Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử (gồm 06 trang) đề ngày 10/9/2019; 01 bản Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử (gồm 06 trang) đề ngày 11/11/2019; 01 bản Giấy yêu cầu bảo hiểm sức khỏe người vay tín dụng (gồm 02 trang) đề ngày 11/11/2019; 01 bản Tờ khai thông tin dành cho khách hàng cá nhân theo FATCA đề ngày 11/11/2019; 01 bản Phương án sử dụng vốn đề ngày 11/11/2019 (gồm 03 trang). Tất cả các tài liệu trên đều có chữ ký, chữ viết đứng tên "Nguyễn Văn M" ở mục "Khách hàng" và và tại vị trí phía dưới cùng của từng trang.

Theo kết luận giám định số 2505/KLGD-PC09-Đ3 ngày 31/3/2021 của Phòng K1 - Công an thành phố H, kết luận: Người có mẫu chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Trọng H trên các mẫu so sánh ("BẢN TUỜNG TRÌNH" đứng tên Trần Trọng H, đề ngày 09/12/2020; Bản mẫu chữ ký đứng tên Trần Trọng H, đề ngày 09/12/2020; Bản mẫu chữ ký thực nghiệm Nguyễn Văn M do Trần Trọng H ký ra) viết và ký ra:

- Chữ viết trong phần khoanh mực màu đỏ trên các mẫu cần giám định "GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM HỢP ĐỒNG CHO VAY KHÔNG TSBĐ, MỞ & SỬ DỤNG TÀI KHOẢN, THẺ GHI NỢ VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ", Khách hàng: Nguyễn Văn M, đề ngày 10/9/2019; GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM HỢP ĐỒNG CHO VAY KHÔNG TSBĐ, MỞ & SỬ DỤNG TÀI KHOẢN, THẺ GHI NỢ VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ", khách hàng: Nguyễn Văn M, đề ngày 11/11/2019.

- Chữ ký cuối các trang từ 1 đến 6 trên mẫu cần giám định ("GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM HỢP ĐỒNG CHO VAY KHÔNG TSBĐ, MỞ & SỬ DỤNG TÀI KHOẢN, THẺ GHI NỢ VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ", khách hàng: Nguyễn Văn M, đề ngày 10/9/2019), trang 1 trên mẫu cần giám định ("GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM SỨC KHỎE NGƯỜI VAY TÍN DỤNG", người được bảo hiểm: Nguyễn Văn M, đề ngày 10/9/2019), từ trang 2 đến trang 4 trên mẫu cần giám định

("TỜ KHAI THÔNG TIN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN THEO FATCA", chủ tài khoản: Nguyễn Văn M, đề ngày 10/9/2019), trang 1,2,4 trên mẫu cần giám định ("PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN", khách hàng Nguyễn Văn M, đề ngày 10/9/2019), từ trang 1 đến 5 trên mẫu cần giám định ("GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM HỢP ĐỒNG CẤP HẠN MỨC TÍN DỤNG THẺ, PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG, DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ", khách hàng Nguyễn Văn M, đề ngày 10/9/2019), từ trang 1 đến 4, trang 6 trên mẫu cần giám định ("GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM HỢP ĐỒNG CHO VAY KHÔNG TSBĐ, MỞ & SỬ DỤNG TÀI KHOẢN, THẺ GHI NỢ VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ", khách hàng: Nguyễn Văn M, đề ngày 11/11/2019), trang 1 trên mẫu cần giám định ("GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM SỨC KHỎE NGƯỜI VAY TÍN DỤNG", người được bảo hiểm: Nguyễn Văn M, đề ngày 11/11/2019), từ trang 2 đến 4 trên mẫu cần giám định ("TỜ KHAI THÔNG TIN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN THEO FATCA", chủ tài khoản: Nguyễn Văn M, đề ngày 11/11/2019), trang 1,2,4 trên mẫu cần giám định ("PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN", khách hàng: Nguyễn Văn M, đề ngày 11/11/2019).

- Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Nguyễn Văn M (dưới chữ ký) trên các mẫu cần giám định ("GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM HỢP ĐỒNG CHO VAY KHÔNG TSBĐ, MỞ & SỬ DỤNG TÀI KHOẢN, THẺ GHI NỢ VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ", khách hàng: Nguyễn Văn M, đề ngày 10/9/2019; "GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM SỨC KHỎE NGƯỜI VAY TÍN DỤNG", người được bảo hiểm: Nguyễn Văn M, đề ngày 10/9/2019; "TỜ KHAI THÔNG TIN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN THEO FATCA", chủ tài khoản: Nguyễn Văn M, đề ngày 10/9/2019; "PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN", khách hàng Nguyễn Văn M, đề ngày 10/9/2019; "GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM HỢP ĐỒNG CHO VAY KHÔNG TSBĐ, MỞ & SỬ DỤNG TÀI KHOẢN, THẺ GHI NỢ VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ", khách hàng: Nguyễn Văn M, đề ngày 11/11/2019; "GIẤY YÊU CẦU BẢO HIỂM SỨC KHỎE NGƯỜI VAY TÍN DỤNG", người được bảo hiểm: Nguyễn Văn M, đề ngày 11/11/2019; "TỜ KHAI THÔNG TIN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN THEO FATCA", chủ tài khoản: Nguyễn Văn M, đề ngày 11/11/2019; "PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN", khách hàng: Nguyễn Văn M, đề ngày 11/11/2019), chữ ký đứng tên Nguyễn Văn M trên mẫu cần giám định "GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM HỢP ĐỒNG CẤP HẠN MỨC TÍN DỤNG THẺ, PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG, DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ", khách hàng Nguyễn Văn M, đề ngày 10/9/2019.

Anh Nguyễn Văn M khai: Anh không vay vốn hay mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng V3, Bản thân anh M không biết việc Trần Trung H1 đã sử dụng giấy tờ tùy thân của mình để làm hồ sơ vay vốn Ngân hàng.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Trọng H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên. Lời khai nhận tội của H phù hợp với lời khai của đại diện người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Đối với 02 tài liệu giả Chứng minh thư nhân dân và Sổ hộ khẩu mang tên anh Nguyễn Văn M, quá trình điều tra không thu giữ được bản chính; mặt khác H không biết rõ nhân thân, lai lịch của đối tượng làm giả nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, làm rõ.

Đối với anh Nguyễn Văn M: Anh M không biết việc Trần Trọng H mạo danh mình đồng thời dùng các giấy tờ giả để vay tiền và cấp thẻ tín dụng của Ngân hàng V3 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Ngân hàng TMCP V2 (V3) xác định: Trần Trọng H đã sử dụng Chứng minh thư nhân dân và Sổ hộ khẩu giả mang tên anh Nguyễn Văn M để lừa đảo Ngân hàng V3 ký 02 hồ sơ tín dụng vay vốn của ngân hàng V3, Hợp đồng tín dụng số LD1934600824 khoản vay 105.000.000 đồng, và Hợp đồng số 324-P-9541102 mở thẻ tín dụng hạn mức 66.000.000 đồng, tổng số tiền H đã chiếm đoạt của Ngân hàng V3 là 171.000.000 đồng. Từ tháng 11/2019 đến tháng 4/2020, bị cáo đã trả cho Ngân hàng số tiền là: Hợp đồng tín dụng số LD1934600824 khoản vay 105.000.000 đồng, đã trả số tiền là 21.819.838 đồng, dư nợ gốc còn lại là 83.180.162 đồng, lãi phát sinh là 13.911.569 đồng; Hợp đồng số 324-P-9541102 mở thẻ tín dụng hạn mức 66.000.000 đồng, đã trả số tiền là 192.819 đồng, dư nợ gốc còn lại là 65.807.181 đồng, lãi phát sinh là 13.679.860 đồng. Ngân hàng V3 yêu cầu Trần Trọng H phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 148.987.343 đồng và tiền lãi phát sinh của số nợ gốc đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng là 27.591.429 đồng, tổng số tiền Ngân hàng V3 yêu cầu H phải trả là 176.578.772 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 136/CT-VKSCG ngày 29/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đã truy tố Trần Trọng H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như trong quá trình điều tra và nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Bị cáo thừa nhận: Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên ngày 10/9/2019 và 11/11/2019, bị cáo đã sử dụng Chứng minh thư nhân dân và Sổ hộ khẩu giả mang tên anh Nguyễn Văn M (thông tin của anh M, ảnh chân dung của bị cáo) để ký hồ sơ vay vốn Ngân hàng V3 số tiền 105.000.000 đồng và 01 thẻ tín dụng hạn mức 66.000.000 đồng nhưng sau đó không thanh toán trả Ngân hàng theo quy định nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng V3. Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của Ngân hàng V3 là 171.000.000 đồng.

Bị cáo xác định đã trả được một phần gốc và lãi đến tháng 4/2020 cho Ngân hàng V3, cụ thể như Ngân hàng tính là đúng, bị cáo không có ý kiến gì đối với số tiền gốc và lãi đã trả cho Ngân hàng.

Đối với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của Ngân hàng V3, vì hiện nay bị cáo đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam nên không có điều kiện để trả cho Ngân hàng. Ngân hàng V3 yêu cầu H phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 148.987.343 đồng và tiền lãi phát sinh của số nợ gốc đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng là 27.591.429 đồng, tổng số tiền Ngân hàng V3 yêu cầu H phải trả là 176.578.772 đồng. Bị cáo xin chịu trách nhiệm trả số tiền trên cho Ngân hàng V3 khi có điều kiện.

Bị cáo xác định: Toàn bộ sự việc H sử dụng thông tin của anh Nguyễn Văn M để làm thủ tục vay vốn, lừa đảo chiếm đoạt tiền của Ngân hàng V3 là do H tự nghĩ ra, không bàn bạc với ai, không có ai chỉ đạo và biết H thực hiện hành vi này.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy giữ quan điểm truy tố với Trần Trọng H như tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng. Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; Tổng hợp hình phạt với Bản án số 140/2023/HSST ngày 20/6/2023 của TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 28 năm đến 28 năm 6 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo; Về dân sự: Ngân hàng V3 yêu cầu Trần Trọng H phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 148.987.343 đồng và tiền lãi phát sinh của số nợ gốc đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng và sử dụng thẻ tín dụng là 27.591.429 đồng, tổng số tiền là 176.578.772 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo phải trả tổng số tiền là 176.578.772 đồng cho Ngân hàng V3. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của đại diện người bị hại, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, căn cứ Kết luận giám định số 2505/KLGD-PC09-Đ3 ngày 31/3/2021, Kết luận giám định số 1292/KL-KTHS ngày 05/02/2024 của phòng K1 - Công an thành phố H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền chi tiêu cá nhân nên ngày 10/9/2019 và 11/11/2019, Trần Trọng H đã sử dụng Chứng minh thư nhân dân và Sổ hộ khẩu do H làm giả mang tên anh Nguyễn Văn M (thông tin của anh M, ảnh chân dung của H) để lừa đảo Ngân hàng TMCP V2 (V3), ký 02 hồ sơ tín dụng vay vốn của ngân hàng V3, Hợp đồng tín dụng số LD1934600824 khoản vay 105.000.000 đồng và Hợp đồng số 324-P-9541102 mở thẻ tín dụng hạn mức 66.000.000 đồng, tổng số tiền H đã chiếm đoạt của Ngân hàng V3 là 171.000.000 đồng. Bị cáo đã thực hiện hành vi, thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng V3. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo Trần Trọng H đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm luật hình sự, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân/tổ chức được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo đã có hành vi, thủ đoạn gian dối làm cho bị hại tin tưởng giao tài sản cho bị cáo với tổng số tiền 171.000.000 đồng, nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bị hại. Tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo phạm tội có sự chuẩn bị từ trước, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt tương đối lớn và chưa khắc phục được hậu quả. Bị cáo có nhiều tiền án, nhân thân xấu, đã được cơ quan pháp luật giáo dục cũng như áp dụng chính sách hình sự của Nhà nước đối với các loại tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, song bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, sửa đổi bản thân mà lại tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Chứng tỏ ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo là rất kém, thể hiện sự coi thường pháp luật. Do đó cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục đối với bị cáo, để bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và răn đe phòng ngừa tội phạm chung, bảo đảm trật tự kỷ cương xã hội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án năm 2009 về tội Cướp tài sản và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã được xóa án tích.

Tiền án, tiền sự: Bị cáo có 02 Bản án chưa xóa án tích:

Bản án số 64/2021/HSST ngày 22/7/2021, TAND thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 12 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 03 năm tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2020. TAND thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã ra Quyết định thi hành án phạt tù số 69/2021/QĐ-CA ngày 26/8/2021 đối với bị cáo Trần Trọng H.

Bản án số 140/2023/HSST ngày 20/6/2023, TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt 15 năm tù của Bản án số 64/2021/HSST ngày 22/7/2021 của TAND thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 23 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2020. TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã ra Quyết định thi hành án phạt tù số 273/2023/QĐ-CA ngày 26/7/2023 đối với bị cáo Trần Trọng H.

Do vậy, cần phải tổng hợp hình phạt của Bản án này với Bản án số 140/2023/HSST ngày 20/6/2023 của TAND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện hành vi, thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng V3 2 lần vào 2 ngày 10/9/2019 và 11/11/2019, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo đang phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam, không có nghề nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Không.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngân hàng V3 yêu cầu Trần Trọng H phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 148.987.343 đồng và tiền lãi phát sinh của số nợ gốc là 27.591.429 đồng đối với các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LD1934600824 và Hợp đồng số 324-P-9541102 mở thẻ tín dụng hạn mức, tổng số tiền Ngân hàng V3 yêu cầu H phải trả là 176.578.772 đồng, yêu cầu này là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo Trần Trọng H phải hoàn trả tổng số tiền là 176.578.772 đồng cho Ngân hàng V3.

[8] Đối với 02 tài liệu giả Chứng minh thư nhân dân và Sổ hộ khẩu mang tên anh Nguyễn Văn M, quá trình điều tra không thu giữ được bản gốc của các giấy tờ giả, mặt khác H không biết rõ nhân thân, lai lịch của đối tượng làm giả các giấy tờ đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, làm rõ và không đủ căn cứ xem xét, xử lý đối với Trần Trọng H về hành vi Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với anh Nguyễn Văn M: Anh M không hề biết việc Trần Trọng H mạo danh mình đồng thời dùng các giấy tờ giả để vay tiền và cấp thẻ tín dụng của Ngân hàng V3 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với các cán bộ Ngân hàng V3, những người có thẩm quyền, chức năng liên quan đến việc ký 02 hồ sơ tín dụng Trần Trọng H vay vốn của ngân hàng V3 đều không biết các giấy tờ do Trần Trọng H cung cấp là giả, không cùng tham gia với hành vi, thủ đoạn gian dối của H mạo danh anh Nguyễn Văn M để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng V3 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. **Về tội danh:** Tuyên bố Bị cáo Trần Trọng H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. **Về hình phạt:** Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 56 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Trần Trọng H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2020.

Buộc bị cáo Trần Trọng H phải chấp hành tổng hợp hình phạt 23 (hai mươi ba) năm tù của Bản án số 140/2023/HSST ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Tổng hợp hình phạt chung của hai Bản án, bị cáo phải chấp hành **28 (hai mươi tám) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/10/2020.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trần Trọng H.

3. **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Buộc bị cáo Trần Trọng H phải hoàn trả tổng số tiền là 176.578.772 (Một trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi hai) đồng cho Ngân hàng TMCP V2 (V3).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Đối với 02 tài liệu giả Chứng minh thư nhân dân và Sổ hộ khẩu mang tên anh Nguyễn Văn M, quá trình điều tra không thu giữ được bản gốc của các giấy tờ giả, mặt khác H không biết rõ nhân thân, lai lịch của đối tượng làm giả các giấy tờ đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, làm rõ và không đủ căn cứ xem xét, xử lý đối với Trần Trọng H về hành vi Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Đối với anh Nguyễn Văn M: Anh M không hề biết việc Trần Trọng H mạo danh mình đồng thời dùng các giấy tờ giả để vay tiền và cấp thẻ tín dụng của Ngân hàng V3 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Đối với các cán bộ Ngân hàng V3, những người có thẩm quyền, chức năng liên quan đến việc ký 02 hồ sơ tín dụng Trần Trọng H vay vốn của Ngân hàng V3 đều không biết các giấy tờ do Trần Trọng H cung cấp là giả, không cùng tham gia với hành vi, thủ đoạn gian dối của H mạo danh anh Nguyễn Văn M để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng V3 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

7. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1 phần I Mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết: Bị cáo Trần Trọng H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 8.829.000 (Tám triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về phần Bản án, quyết định liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Công an quận Cầu Giấy;
- Chi cục Thi hành án DS quận Cầu Giấy;
- TAND.TP Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an, UBND phường Đồng Xuân, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu hồ sơ vụ án + Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Lan Chi